

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 3 năm 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Doãn và bà **Ngô Thị Hoài**.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Hoài A**, sinh ngày 01/3/1993.

Căn cước công dân số: 010193000161.

Nơi ĐKTT: **Thôn Y, xã N, tỉnh Thanh Hóa**.

Nơi ở hiện nay: **Phố Chợ D, phường Đ, tỉnh Ninh Bình**.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị **Phạm Thị Hoài A** về việc giao nộp và nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án:* Chị **Mã Thị K**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **Thôn M, xã N, tỉnh Thanh Hóa** (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/12/2025).

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Văn Đ**, sinh ngày 07/02/1983.

Căn cước công dân số: 038083015135.

Địa chỉ: **Thôn Y, xã N, tỉnh Thanh Hóa**.

Tại phiên tòa chị **Phạm Thị Hoài A** vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), anh **Vũ Văn Đ** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 29/12/2025 và **B** tự khai nguyên đơn là chị **Phạm Thị Hoài A** bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh **Vũ Văn Đ** kết hôn vào ngày 12 tháng 3 năm 2019, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã X**,

huyện G, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND xã G, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Bản thân chị vì không muốn làm ảnh hưởng đến gia đình hai bên và cũng không muốn ảnh hưởng đến tương lai con cái nên chị đã cố gắng bỏ qua để đoàn tụ. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn giữa chị với anh Đ ngày càng trầm trọng kéo dài mà không thể khắc phục được. Chị và anh Đ đã sống ly thân không chung sống với nhau nữa. Hiện nay chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ của chị ở tỉnh Ninh Bình còn anh Đ sinh sống cùng bố mẹ anh Đ ở xã N, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Vũ Văn Đ 01 con chung là Vũ Phạm Vĩnh T, sinh ngày 15/6/2018. Chị A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Vũ Văn Đ: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng anh Đ cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

* Tại Bản tự khai ngày 19/01/2026, cháu Vũ Phạm Vĩnh T trình bày: Nếu chị A và anh Đ ly hôn thì nguyện vọng của cháu T xin được ở với chị A.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị A vắng mặt (có đơn xin vắng mặt) và anh Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Bị đơn anh Vũ Văn Đ mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa vào ngày 20/3/2026. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, chị A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và chị vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Đối với bị đơn anh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai, vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A, anh Đ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS; Những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Hoài A**, cho chị **A** được ly hôn anh **Đ**. Về con: Giao cháu **Vũ Phạm Vĩnh T**, sinh ngày 15/6/2018 cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng; anh **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

* *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Thanh Hóa.

* *Về nội dung*:

[1] *Về hôn nhân*: Chị **Phạm Thị Hoài A** và anh **Vũ Văn Đ** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vì không muốn ảnh hưởng đến gia đình hai bên và cũng không muốn ảnh hưởng đến tương lai con cái nên chị đã cố gắng bỏ qua để đoàn tụ. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn giữa chị với anh **Đ** ngày càng trầm trọng kéo dài mà không thể khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân nhau, chị đã về sinh sống cùng với bố mẹ tại tỉnh Ninh Bình, còn anh **Đ** vẫn sinh sống tại **xã N, tỉnh Thanh Hóa** cùng với bố mẹ. Xét thấy cuộc sống chung của chị **A** và anh **Đ** đã phát sinh mâu thuẫn đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị **A**, cho chị **A** ly hôn anh **Đ** là phù hợp quy định của pháp luật.

[2]. *Về con*: Vợ chồng có 01 con chung là **Vũ Phạm Vĩnh T**, sinh ngày 15/6/2018. Sau ly hôn, chị **A** đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của chị **A** về trực tiếp nuôi con: Qua xác minh tại **UBND xã N, tỉnh Thanh Hóa** thì từ khi chị **A**, anh **Đ** xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân nhau, cháu **T** ở với anh **Đ**. Tuy nhiên, cháu **T** có nguyện vọng ở với chị **A**. Quá trình giải quyết vụ án anh **Đ** không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, giao cháu **Vũ Phạm Vĩnh T** cho chị **A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **A** không yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX miễn xét.

[3] *Về tài sản và nợ chung*: Chị **Phạm Thị Hoài A** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] *Về án phí*: Chị **Phạm Thị Hoài A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Hoài A**, cho chị **A** được ly hôn anh **Vũ Văn Đ**.

2. Về con: Giao cháu **Vũ Phạm Vĩnh T**, sinh ngày 15/6/2018 cho chị **A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **Đ** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Phạm Thị Hoài A** phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/25E, số: 0004563 ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, chị **A** đã nộp đủ án phí DSST.

4. Quyền kháng cáo: Chị **A**, anh **Đ** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 – Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Gia Phú, tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn